TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2025/DS-PT
Ngày: 08-5-2025
V/v tranh chấp: "Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Trương Vĩnh Hữu;

Ông Trần Hữu Tính.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 565/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp "Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 706/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1966 (có mặt);

2.2. Anh Phạm Hồng S, sinh năm 1993 (xin vắng mặt);

2.3. Chị Phạm Thị Kim N1, sinh năm 2004 (có mặt);

Cùng trú tại: Số A, Tổ D, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.4. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1931 chết ngày 15/8/2022.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B:

- Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C, Tổ A, ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số G, Tổ B, Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn N4, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C, Tổ A, ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Đ; bị đơn Phạm Hồng S, Phạm Thị Kim N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28 tháng 10 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ngày 14/02/2019, bà Đ có cho bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1971 – chết ngày 11/4/2019) vay số tiền 400.000.000 đồng, tiếp theo ngày 26/02/2019 bà cho vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng là 450.000.000 đồng. Khi vay, bà Nguyễn Thị H1 có viết biên nhận cho bà, thời hạn vay mỗi khoản vay là 01 tháng, lãi suất tự thoả thuận là 3%/tháng, như vậy đến hết ngày 14 và ngày 26/3/2019 là hết thời hạn vay, phải trả vốn lãi cho bà, nhưng bà Nguyễn Thị H1 chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì bà H1 chết ngày 11/4/2019. Bà Nguyễn Thị Đ có tên thường gọi là chị Bảy P. Khi vay, bà H1 có thế chấp cho bà Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02617QSDĐ/LĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2002 cho chủ hộ bà Nguyễn Thị H1. Hai bên không có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản.

Bà Nguyễn Thị H1 chết có để lại tài sản gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 713 diện tích 798m^2, mục đích sử dụng đất: Đất quả và thửa số 714, diện tích 1.205m^2, mục đích sử dụng đất: Đất lúa, cùng tờ bản đồ số 4, địa chỉ thửa đất tại xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02617QSDĐ/LĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2002 cho chủ hộ bà Nguyễn Thị H1 và số tiền bảo hiểm là 673.699.200

đồng theo xác nhận hoàn thành trách nhiệm Bảo hiểm Nhân thọ của Công ty trách nhiệm hữu hạn B1 do anh Phạm Hồng S nhận ngày 13/6/2019.

Hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị H1 gồm: Cha là ông Nguyễn Văn S1 (đã chết trước bà H1), mẹ là bà Huỳnh Thị B, chồng là ông Phạm Văn N, con là anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị Kim N1. Sau khi bà H1 chết, bà Đ có gặp ông N và anh S để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Ông N và anh S hứa hẹn sẽ trả nhưng không nói thời gian.

Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện ông Phạm Văn N, anh Phạm Hồng S, chị Phạm Thị Kim N1 và bà Huỳnh Thị B (sinh năm 1931 chết ngày 15/8/2022) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B gồm: Bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn N4 có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền vốn là 450.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất là 1,666%/tháng, thời hạn tính lãi kể từ ngày 26/3/2019 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn N trình bày:

Trước đây, ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1971 - chết ngày 11/4/2019) là vợ chồng. Ông và bà H1 đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 110/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đối với số nợ bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện bà H1 là phát sinh sau khi ông bà ly hôn. Ông N không biết về số nợ giữa bà Đ và bà H1. Ông không chịu trách nhiệm về số nợ này nên không đồng ý trả. Ông N thống nhất chữ ký và chữ viết trên 02 biên nhận đề ngày 14/02/2019 và biên nhận đề ngày 26/02/2019 là do bà H1 viết và ký tên. Chị Bảy P được ghi trên biên nhận tên thật là Nguyễn Thị Đ. Ông N xác định bà Đ cho bà H1 vay tiền với lãi suất là 15%/tháng. Ông N yêu cầu Toà án xem xét lại lãi suất bà Đ đã cho bà H1 vay tiền.

Bà Đ hiện đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02617QSDĐ/LĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2002 cho hộ gia đình ông, chủ hộ bà Nguyễn Thị H1. Nguồn gốc phần tài sản này là của cha mẹ ruột của ông N cho ông N. Để thuận tiện cho việc bà H1 ký hợp đồng vay tiền nên ông N đã đồng ý để bà H1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên phần đất này hiện có ông và các con là Phạm Hồng S, Phạm Thị Kim N1 đang sinh sống. Gia đình ông hiện chưa làm thủ tục phân chia di sản của bà H1 để lại. Bà Nguyễn Thị H1 có cha là ông Nguyễn Văn S1 (không rõ năm sinh, chết trước ngày 11/4/2019), mẹ là Huỳnh Thị B, con là Phạm Hồng S và Phạm Thị Kim N1. Ngoài ra, bà H1 không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi nào khác.

* Theo bản tự khai ngày 21/02/2020, bị đơn anh Phạm Hồng S trình bày: Anh S không biết việc vay mượn số tiền 450.000.000 đồng giữa bà Đ và bà H1. Khi mẹ anh mất, bà Đ có đến nhà nói mẹ anh mượn số tiền trên với lãi suất 3%. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ vì anh không xác định số tiền

trên là tiền mượn hay là tiền lãi cộng lại. Hiện bà Đ đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thế chấp với số tiền 450.000.000 đồng.

* Theo bản tự khai ngày 17/5/2022, bị đơn bà Huỳnh Thị B trình bày: Bà B không biết toàn bộ quá trình vay mượn giữa bà Nguyễn Thị Đ (tên thường gọi chị Bảy P) với bà Nguyễn Thị H1 và chồng là Phạm Văn N, con là Phạm Hồng S. Bà B tuổi cao, sức khoẻ yếu nên xin không tham gia trong sự việc tranh chấp này.

* Tại các bản tự khai, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B có bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn N4 trình bày: Các ông bà là con của bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1931 chết ngày 15/8/2022 và ông Nguyễn Văn S1 sinh năm 1922 chết ngày 18/01/2008. Bà B có các người con gồm: Nguyễn Thị N2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị N3, Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn N4. Các ông bà xin từ chối nhận di sản thừa kế mà bà H1 mất để lại. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của bà H1 chết để lại các ông bà không có ý kiến, để Hội đồng xét xử theo pháp luật.

* Tại văn bản số CHH0LCEN202027V ngày 29/7/2020 của công ty TNHH B1 trình bày: Bà Nguyễn Thị H1 có lập hồ sơ yêu cầu bảo hiểm số 170004600091001 ngày 10/12/2017 với tư cách là bên mua bảo hiểm đồng thời là người được bảo hiểm để tham gia sản phẩm bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi toàn diện 2013 – lựa chọn A. Theo đó, công ty đã chấp nhận bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị H1 và phát hành hợp đồng bảo hiểm số 170004600070008 PUL1A có hiệu lực từ ngày 11/12/2017 với mệnh giá bảo hiểm của quyền lợi bảo hiểm cơ bản là 700.000.000 đồng, bà H1 có chỉ định anh Phạm Hồng S là người thụ hưởng để nhận số tiền bảo hiểm khi bà H1 tử vong. Do hợp đồng bảo hiểm có chỉ định người thụ hưởng nên đây không thuộc trường hợp chi trả số tiền bảo hiểm cho những người thừa kế của bà H1 theo pháp luật. Ngày 30/5/2019, anh Phạm Hồng S với tư cách là người thụ hưởng đã nộp hồ sơ yêu cầu thanh toán quyền lợi bảo hiểm theo hợp đồng cho trường hợp tử vong của người được bảo hiểm là bà H1. Ngày 18/6/2019, công ty đã thanh toán số tiền bảo hiểm là 673.699.200 đồng bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản của anh Phạm Hồng S.

* Tại công văn số 16/CAH-QLHC ngày 26/5/2022 của Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang cung cấp: Bà Nguyễn Thị H1 có cha là ông Nguyễn Văn S1, mẹ là bà Huỳnh Thị B, chồng là Phạm Văn N, con là Phạm Hồng S và Phạm Thị Kim N1.

* Đối với bị đơn là chị Phạm Thị Kim N1 không nộp cho Toà án bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

* Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Văn N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B là bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn M,

bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn N4. Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị Kim N1 yêu cầu anh S và chị N1 thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Nguyễn Thị H1 chết để lại, trả cho bà Đ số tiền vốn là 450.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/3/2019 cho đến ngày xét xử là ngày 28/5/2024 làm tròn là 62 tháng, số tiền lãi với lãi suất là 20%/năm, tổng số tiền lãi là 464.814.000 đồng. Tổng cộng là 914.814.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H1, bà Đ không đồng ý trả lại cho phía hàng thừa kế của bà H1 mà sẽ nộp qua cơ quan thi hành án để đảm bảo thi hành án phần tài sản của bà H1 cho bà Đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 317, 323, 357, 463, 466, 468, 614, 615, 617, 618, 623, 650, 651, 658 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

1. Buộc bị đơn anh Phạm Hồng S, chị Phạm Thị Kim N1 là những người thừa kế của bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền gốc là 450.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 26/3/2019 đến ngày 26/5/2024 số tiền là 231.570.000 đồng. Tổng cộng là 681.570.000 đồng trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị H1 chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện ông Phạm Văn N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B là bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn N4 về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Đ trả lại cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị H1 gồm anh Phạm Hồng S, chị Phạm Thị Kim N1 và ông Phạm Văn N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02617

QSDĐ/LĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2002 chủ hộ bà Nguyễn Thị H1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12/6/2024, nguyên đơn Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị Kim N1 trả cho bà Đ số tiền vốn và lãi tổng cộng là 914.814.000 đồng (vốn là 450.000.000 đồng, lãi là 450.000.000 đồng x 62 tháng x 1,666%/tháng = 464.814.000 đồng).

Ngày 12/6/2024, bị đơn Phạm Hồng S và chị Phạm Thị Kim N1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử đúng quy định pháp luật nếu trường hợp khoản vay đúng quy định là 450.000.000 đồng thì xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện do nguyên đơn ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vốn 450.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền lãi; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ; Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở một phần; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn 450.000.000 đồng và số tiền lãi là 6.863.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Đ; Bị đơn Phạm Hồng S và Phạm Thị Kim N1, nghe đương sự trình bày thêm tại phiên tòa phúc thẩm, qua tranh luận và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện bị đơn anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Kim N1 là

quan hệ tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

[2] Về tố tụng: Anh Phạm Hồng S có đơn xin xét xử vắng mặt; Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Đ và bị đơn Phạm Hồng S, Phạm Thị Kim N1.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị Kim N1 trả cho bà Đ số tiền vốn và lãi tổng cộng là 914.814.000 đồng (vốn là 450.000.000 đồng, lãi là 450.000.000 đồng x 62 tháng x 1,666%/tháng = 464.814.000 đồng).

Bị đơn Phạm Hồng S và chị Phạm Thị Kim N1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử đúng quy định pháp luật nếu trường hợp khoản vay đúng quy định là 450.000.000 đồng thì xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng.

[3.1] Xét thấy: Căn cứ 02 biên nhận đề ngày 14/02/2019 và biên nhận đề ngày 26/02/2019 thể hiện bà Nguyễn Thị H1 có vay của bà Nguyễn Thị Đ tên thường gọi là 7 P (B) tổng số tiền 450.000.000 đồng có thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chủ hộ tên Nguyễn Thị H1, không thể hiện thời gian trả số tiền vay và lãi suất vay trên hai biên nhận này. Ngày 11/4/2019, bà H1 chết. Ông N (chồng bà H1) thống nhất chữ ký và chữ viết trên 02 biên nhận đề ngày 14/02/2019 và biên nhận ngày 26/02/2019 là do bà H1 viết và ký tên. Chị Bảy P được ghi trên biên nhận tên thật là Nguyễn Thị Đ. Tuy nhiên, phía ông N, anh S và chị N1 không đồng ý trả số tiền này cho bà Đ với lý do không biết bà H1 đã trả số tiền vay này cho bà Đ hay chưa và số tiền 450.000.000 đồng có phải là số tiền vốn hay đã cộng vốn lãi trong đó. Tuy nhiên anh S, chị N1 không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình. Ngoài ra anh S và chị N1 cũng không cung cấp cho Toà án chứng cứ chứng minh việc bà H1 có trả nợ cho bà Đ từ sau ngày vay tiền là ngày 14/02/2019 và ngày 26/02/2019 đến nay. Từ các căn cứ trên có cơ sở chấp nhận việc bà Đ có cho bà H1 vay số tiền tổng cộng là 450.000.000 đồng, bà H1 chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ, anh S và chị N1 là người thừa kế của bà H1 sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà Đ trong phạm vi di sản của bà H1 chết để lại. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc anh Phạm Hồng S, chị Phạm Thị Kim N1 thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 450.000.000 đồng cho bà Đ trong phạm vi di sản của bà H1 chết để lại là có cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi, trong 02 biên nhận nợ không thể hiện phần lãi suất nhưng phía nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận miệng là 3%/tháng, bà H1 chưa trả lãi cho bà Đ. Nay, bà Đ yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm đối với số tiền 450.000.000 đồng, thời gian từ ngày 26/3/2019 đến ngày 26/5/2024 số tiền lãi là 464.814.000 đồng. Phía ông N (bị đơn) khai rằng bà Đ cho bà H1 vay với lãi suất là 15%/tháng và cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận vay tiền phía sau có thể hiện việc tính tiền nhưng không biết là ai viết và không thể hiện rõ việc cho vay với lãi suất là 15%/tháng. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định "Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này". Án sơ thẩm buộc anh S và chị N1 trả số tiền lãi cho bà Đ tính từ ngày 26/3/2019 đến ngày 26/5/2024 với số tiền là 231.570.000 đồng trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị H1 chết để lại là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và các bị đơn Phạm Hồng S, Phạm Thị Kim N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở một phần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 614, 615, 617, 618, của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị Kim N1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 79/2024/DS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện C.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bị đơn anh Phạm Hồng S, chị Phạm Thị Kim N1 là những người thừa kế của bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền gốc là 450.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 26/3/2019 đến ngày 26/5/2024 số tiền là 231.570.000 đồng. Tổng cộng là 681.570.000 đồng trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị H1 chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện ông Phạm Văn N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B là bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn N4 về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ trả lại cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị H1 gồm anh Phạm Hồng S, chị Phạm Thị Kim N1 và ông Phạm Văn N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02617 QSDĐ/LĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2002 chủ hộ bà Nguyễn Thị H1.

2. Về án phí:

Anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị Kim N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.262.800 đồng.

Anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị Kim N1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo hai biên lai thu số 0011422 và số 0011423 cùng ngày 12/6/2024, xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ. Trả lại bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí là 12.050.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 01556 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thúy